

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2021

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mai Hoa**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Dương Thị Kim Hồng**.

2. Bà **Mai Thị Thảo**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đặng Ngọc Anh** - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Ông **Nguyễn Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2021, giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: xóm 7, Xuân Áng, Thanh Xuân, ThH, Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Đội 13, Thanh Sơn, ThH, Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh **Hoàng Đức H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm 7, Xuân Áng, Thanh Xuân, ThH, Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị và anh Hoàng Đức H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thanh Xuân, huyện ThH, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống cùng mẹ anh H tại xóm 7, Xuân Áng, Thanh Xuân, ThH, Hải Dương. Hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đã từng có lần còn xảy ra xung đột, xô xát nhau. Khoảng đầu năm 2014, mặc dù chị không đồng ý nhưng anh H vẫn sang Đài Loan xuất khẩu lao động, do đó chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ khi đi Đài Loan đến nay anh H không quan tâm gì đến mẹ con chị, cũng không gửi tiền về cho chị để nuôi con mà chỉ gửi tiền về cho mẹ anh H. Mẹ anh H cũng không quan tâm gì đến chị và cháu nội. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng cũng đều xảy ra mâu thuẫn. Đến khi anh H không gửi tiền cho chị mà chỉ gửi tiền cho mẹ chồng chị thì vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng. Dần dần anh chị cắt đứt liên lạc với nhau, không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng chị, nhưng không can thiệp mà để cho vợ chồng tự quyết định. Thời gian xa cách đã lâu, anh H cũng không quan tâm hay đoái hoài gì đến mẹ con chị, nên chị cũng không còn tình cảm gì với anh H nữa. Hiện nay, anh H đang cư trú, sinh sống và làm ăn tại Đài Loan nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở đâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- *Về con chung*: Chị và anh H có một con chung là Hoàng Đức Quốc H1, sinh ngày 12/3/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Còn việc sau này anh H có về nước, cho con bao nhiêu là tùy anh H.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình anh H, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh H. Bà Trương Thị G là mẹ đẻ anh H xác định, anh H hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H nên không cung cấp

được cho Tòa án. Tuy nhiên anh H thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh H biết. Theo bà G cung cấp thì sau khi kết hôn vợ chồng anh H và chị L sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, đã từng xảy ra xung đột, xô xát nhau, tuy nhiên không nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Đầu năm 2014, anh H sang Đài Loan làm ăn. Trước đây khi anh H còn ở Việt Nam, chị L đã nhiều lần làm đơn ly hôn, nhưng anh H chưa đồng ý. Đến lúc anh H đồng ý ly hôn, chưa kịp làm thủ tục thì lại phải sang Đài Loan làm ăn, chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân với nhau kể từ đó đến nay. Việc chị L làm đơn xin ly hôn với anh H, bà cũng đã thông báo cho anh H biết. Quan điểm của anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L. Bà G xác định vợ chồng chị L, anh H có một con chung là Hoàng Đức Quốc H1, sinh ngày 12/3/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị L và ông bà ngoại. Anh H có trao đổi với bà là nhất trí để chị L tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L. Vợ chồng anh H, chị L không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Đức H;

- Về con chung: Giao con chung là Hoàng Đức Quốc H1, sinh ngày 12/3/2013 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con;

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Hoàng Đức H. Anh H hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đức H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Xuân, huyện ThH, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/3/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Thông qua gia đình, anh H có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị L xin ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị L và anh H có một con chung là Hoàng Đức Quốc H1, sinh ngày 12/3/2013. Hiện cháu đang ở với chị L và ông bà ngoại. Xét thực tế, anh H đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Đức H.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Hoàng Đức Quốc H1, sinh ngày 12/3/2013, thời gian từ tháng 8/2021 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Hoàng Đức H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

*Anh Hoàng Đức H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.*

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005825 ngày 02/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Hoàng Đức H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thanh Xuân, huyện ThH, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**